

VIỆC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH NGOẠI NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TRONG HỆ ĐÀO TẠO TÍN CHỈ: THỰC
TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Tô Minh Thanh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

TÓM TẮT: Là kết quả của công trình nghiên cứu về việc tự học của sinh viên khối ngành ngoại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, bài viết (1) tìm hiểu thực trạng tự học, (2) xác định một số việc sinh viên cần kiên trì thực hiện và (3) nêu một số kiến nghị-yêu cầu đối với giảng viên, các khoa ngoại ngữ và nhà trường nhằm nâng cao năng lực tự học của sinh viên, góp phần cải thiện chuẩn đầu ra của quá trình đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy tuy nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động tự học, sinh viên không có đủ và cũng không duy trì được thời gian tự học. Tác động tiêu cực đến việc tự học là 5 yếu tố chủ quan từ phía sinh viên: không đủ thời gian để tự học, chưa tìm được phương pháp học tập thích hợp, thiếu kiến thức căn bản về môn học, không đủ tự tin để tự học, và thiếu động lực và quyết tâm học tập; 5 yếu tố khách quan hạn chế hiệu quả của hoạt động tự học là sinh viên chưa tiếp cận đầy đủ các nguồn tài liệu tham khảo, giảng viên chưa chia sẻ kinh nghiệm và hướng dẫn cách tự học, thời gian học trên lớp còn nhiều, thiếu không gian học tập yên tĩnh, và thiếu trang thiết bị chuyên dụng cho các lớp học ngoại ngữ. Việc tự học chỉ có hiệu quả khi (1) sinh viên kiên trì tự học, (2) giảng viên thực hiện tốt vai trò của nhà tổ chức, điều khiển hoạt động tự học của sinh viên, và (3) các khoa ngoại ngữ và nhà trường tích cực hỗ trợ hoạt động dạy và học, trong đó có hoạt động tự học.

Từ khóa: hệ đào tạo tín chỉ, trường ĐH KHXH&NV, hoạt động tự học, học chế tín chỉ, SV khối ngành ngoại ngữ.

Sinh viên (viết tắt là SV) cần có những điều chỉnh gì trong việc tự học nhằm đáp ứng quy định về thời lượng dành cho chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ vốn đã giảm xuống còn khoảng 140 tín chỉ? Đây là một câu hỏi lớn cần nhanh chóng tìm được lời giải đáp thỏa đáng. Tìm hiểu vấn đề này là một trong những hoạt động đảm bảo chất lượng dạy và học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(viết tắt là Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM).

Có nhiều cách hiểu khác nhau về tự học:

“Tự học là quá trình tự mình hoạt động lĩnh hội tri thức khoa học và rèn luyện kỹ năng thực hành không có sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên và sự quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục đào tạo. Đây là hình thức học tập cơ bản của không chính qui, giáo dục thường xuyên đồng thời cũng là bộ phận không thể tách rời của quá trình học tập có hệ thống trong các

trường đại học nhằm đào sâu, mở rộng để nắm vững kiến thức của học sinh.” [1]

“Tự học là quá trình tự đi tìm lấy kiến thức, kỹ năng, thái độ một cách tự giác, tích cực, tự lực và sáng tạo bằng sự nỗ lực hành động của chính mình hướng tới những mục tiêu nhất định.” [2]

Xin được đưa ra quan niệm mà theo chúng tôi có phần hợp lý hơn cả trong bối cảnh nghiên cứu cụ thể của đề tài: Tự học là khả năng tự tìm tòi, nhận thức và nghiên cứu nhằm biến kiến thức và kỹ năng nhận được từ nguồn đào tạo thành tài sản riêng của người học; bên cạnh đó, người học đào sâu kiến thức và mài dũa kỹ năng, cố gắng liên hệ và áp dụng chúng vào cuộc sống thực tiễn. Ở bậc đại học, tự học được định hình như một phong cách học tập mà theo đó SV biết triệt để khai thác những thuận lợi tích cực từ nguồn đào tạo chứ không y lại vào nguồn lực này và biết lấy sức mình làm trụ cột mà nỗ lực tự thân vượt khó, đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu của chương trình đào tạo.

Đề tài khảo sát 550/2267 SV chính quy bằng 1 khối ngành ngoại ngữ đã theo học từ 2 đến 5 năm tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, trong học kỳ I của năm học 2009-2010 nhằm 2 mục đích: tìm hiểu thực trạng tự học của SV khối ngành ngoại ngữ Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM và đề xuất giải pháp nhằm tích cực hỗ trợ đối tượng SV này trong hoạt động tự học.

Để đạt 2 mục đích trên, những người thực hiện đề tài cố gắng tìm lời giải đáp thoả đáng cho 5 câu hỏi nghiên cứu sau đây:

1. SV khối ngành ngoại ngữ nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của việc tự học?

2. SV khối ngành ngoại ngữ áp dụng những hình thức tự học nào, thường dành bao nhiêu thời gian cho việc tự học, và có duy trì được thời gian tự học đã nêu không?

3. SV khối ngành ngoại ngữ gặp những khó khăn nào, khách quan cũng như chủ quan, trong việc tự học?

4. SV khối ngành ngoại ngữ phải làm gì để vượt qua những khó khăn này nhằm tiến hành hoạt động tự học có hiệu quả?

5. Giảng viên phụ trách môn học (viết tắt là GV), các khoa ngoại ngữ và nhà trường, thông qua các phòng/ban và các tổ chức chính trị-xã hội trong trường, cần hỗ trợ những gì để việc tự học của SV khối ngành ngoại ngữ có thể đóng góp tích cực vào quá trình đào tạo đang diễn ra tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM?

Đề tài phối hợp 4 phương pháp nghiên cứu sau đây:

Nghiên cứu nội dung: Các tài liệu lý luận và kết quả nghiên cứu thực tiễn (bài báo, tạp chí, luận văn, các đề tài nghiên cứu trong nước) về các vấn đề có liên quan đến đề tài được sưu tầm, phân tích, và hệ thống hóa để làm cơ sở lý luận cho đề tài và được sắp xếp thành thư mục tham khảo.

Điều tra bằng phiếu khảo sát: Cách lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản dựa trên một danh sách của toàn bộ các đơn vị trong tổng thể cho phép mỗi đơn vị đều có cơ hội được chọn vào mẫu như nhau. Với tổng số SV khối ngành ngoại ngữ ở thời điểm tháng 10/2009 là 2267

và dung lượng mẫu là 550 (bước nhảy là 4), các bước chọn mẫu được thực hiện lần lượt như sau:

Bước 1: Lập danh sách toàn bộ SV khối ngành ngoại ngữ thuộc loại hình đào tạo chính quy bằng 1 của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM;

Bước 2: Đánh số thứ tự;

Bước 3: Chọn một số ngẫu nhiên trong danh sách, đơn vị mẫu tiếp theo là cứ 4 người lấy 1 người và tiếp tục cho đến hết danh sách. Trong trường hợp cần thay thế thì lấy số thứ tự ngay bên dưới.

Phiếu khảo sát tìm hiểu ý kiến của người cung cấp thông tin về việc tự học của SV và việc hướng dẫn hoạt động tự học cho SV.

Phòng vấn sâu bán cơ cấu theo cách lấy mẫu thuận tiện 6 SV của khối ngành ngoại ngữ: Tùy theo diễn biến của câu chuyện, người phỏng vấn linh hoạt điều chỉnh câu chuyện đi đúng chủ đề nhằm thu thập thông tin đúng trọng tâm và khai thác đủ sâu một số thông tin cần thiết.

Xử lý thông tin: Dữ liệu định lượng trong phiếu khảo sát được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS, chủ yếu là tính tần số và phần trăm, tính trung bình và chạy bảng kết hợp; dữ liệu định tính trong các biên bản phỏng vấn sâu được phân tích nội dung và lọc ra theo chủ đề dưới dạng trích dẫn để kết hợp và củng cố cho số liệu thống kê định lượng.

Dưới đây là nội dung của kết quả khảo sát.

1. THỰC TRẠNG VỀ VIỆC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH NGOẠI NGỮ

1.1 Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của hoạt động tự học

Kết quả khảo sát cho thấy SV có nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động tự học. Việc tự học giúp đạt kết quả học tập tốt (360 lượt SV), hiểu bài sâu sắc (346 lượt SV), rèn luyện khả năng làm việc độc lập (313 lượt SV), phát hiện ra những vấn đề chưa hiểu rõ để hỏi GV (248 lượt SV), chủ động và linh hoạt hơn trong việc học (228 lượt SV), ham học (222 lượt SV), mạnh dạn và tự tin khi phát biểu trước lớp và đám đông (84 lượt SV).

Các số liệu trên được tái khẳng định qua kết quả phỏng vấn SV:

- Tôi thấy tự tin hơn khi lên bảng trả bài hoặc khi GV đặt câu hỏi. Tự học còn giúp tôi ghi chép những phần không hiểu để hỏi lại GV. (SV Khoa Ngữ văn Pháp)
- Khi tự học tôi nghiên cứu sâu hơn, giúp tôi nhớ dai và nắm kiến thức vững hơn. (SV Khoa Ngữ văn Trung Quốc)
- Khi tự học tôi học khá hơn, tìm được nhiều tài liệu theo ý của tôi chứ không phải chỉ theo ý của thầy. (SV Khoa Ngữ văn Anh)
- Có những vấn đề thật sự khó. Khi học theo nhóm hoặc tự học một mình tôi sẽ từ từ tìm ra được hướng giải quyết. (SV Khoa Ngữ văn Anh)
- Khi tự học tôi có thể học bất kỳ những gì tôi muốn; như thế tôi có thêm nhiều kiến thức để ứng dụng vào thực tế. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

Dù rất có ý thức về lợi ích của việc tự học, SV không hài lòng về phương pháp và hiệu quả tự học:

- *Hài lòng*: 60 lượt SV (10.9%);
- *Bình thường*: 342 lượt SV (62.2%);
- *Không hài lòng*: 133 lượt SV (24.2%);
- *Cần thay đổi phương pháp và/hoặc thói quen tự học*: 360 lượt SV (65.5%);
- *Không cần thay đổi phương pháp và/hoặc thói quen tự học*: 165 lượt SV (30%).

1.2 Số giờ và lý do làm thêm của sinh viên

Có SV chỉ làm thêm trong thời gian ngắn hoặc với số giờ làm việc trong tuần ít, khoảng từ 2 đến 4 giờ/tuần; trái lại, số khác làm thêm rất nhiều, khoảng từ 20 đến 25 giờ/tuần; số giờ làm việc trung bình của SV dao động từ 5 đến 10 giờ/tuần.

Lý do SV tham gia làm thêm rất đa dạng: có thêm thu nhập (121 lượt SV); học hỏi kinh nghiệm làm việc (88 lượt SV); năng động và tự tin hơn (69 lượt SV); bổ sung kiến thức chuyên

môn (64 lượt SV); rèn luyện các kỹ năng tư duy, thực hành, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm,... (26 lượt SV); tự tạo cơ hội thực hành các kỹ năng như nghe, nói, dịch thuật,... (21 lượt SV).

Việc làm thêm nhiều giờ/tuần, thời gian lên lớp còn nhiều và việc phải làm quá nhiều bài tập bắt buộc khiến SV có ít thời gian để tự học.

- Giáo viên nên cho SV nhiều thời gian hơn; mỗi môn học đều có quá nhiều bài tập; chỉ nên cho bài tập ở phần trọng tâm. (SV Khoa Ngữ văn Anh)
- Tôi thấy thời gian tự học càng ngày càng ít đi; thời gian tự học rất giới hạn vì mất thời gian đi làm thêm và số giờ lên lớp quá nhiều, đa số là học 2 buổi/ngày. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

1.3 Số giờ tự học/ngày và việc duy trì thời gian tự học của sinh viên

Hầu hết SV không dành nhiều thời gian cho việc tự học: **gần một nửa (260 SV, 47.3%) tự học dưới 3 giờ/ngày**; nửa còn lại chia thành hai nhóm với 122 SV (22.2%) tự học từ 3 đến dưới 5 giờ/ngày và 109 SV (19.8%) tự học từ 5 đến dưới 7 giờ/ngày.

Bảng 1. Số giờ tự học/ngày của sinh viên tham gia cuộc khảo sát

SỐ GIỜ TỰ HỌC/NGÀY	SỐ LƯỢT SV	TỶ LỆ PHẦN TRĂM
Dưới 3 giờ	260	47.3
Từ 3 đến dưới 5 giờ	122	22.2
Từ 5 đến dưới 7 giờ	109	19.8
Từ 7 đến dưới 10 giờ	17	3.1

Từ 10 giờ trở lên	9	1.6
Số SV không trả lời	33	6.0
Tổng cộng	550	100.0

Về việc duy trì thời gian tự học, có 223 SV (40.5%) cho biết ngày nào họ cũng dành thời gian cho việc tự học, **171 SV (31.1%) tự học vào những ngày không phải lên lớp**, 127 SV (23.1%) tự học theo ngẫu hứng và 27 SV (4.9%) gần thi mới học. Nghĩa là **có đến 60% SV không duy trì được thời gian tự học/ngày nêu trên.**

Bảng 2. Việc duy trì thời gian tự học/ngày của sinh viên tham gia cuộc khảo sát

VIỆC DUY TRÌ SỐ GIỜ TỰ HỌC/NGÀY	SỐ LƯỢT SV	TỶ LỆ PHẦN TRĂM
Ngày nào cũng học	223	40.5
Những ngày không phải lên lớp	171	31.1
Lúc nào thích thì học	127	23.1
Gần thi mới học	27	4.9
Số SV không trả lời	2	0.4
Tổng cộng	550	100.0

Bảng 3 thể hiện mối quan hệ giữa thời gian tự học/ngày và việc duy trì thời gian tự học của SV:

Bảng 3. Tương quan giữa số giờ tự học/ngày với việc duy trì thời gian tự học của sinh viên tham gia cuộc khảo sát

SỐ GIỜ TỰ HỌC/NGÀY \ VIỆC DUY TRÌ SỐ GIỜ TỰ HỌC/NGÀY	SỐ GIỜ TỰ HỌC/NGÀY					Tổng cộng
	Dưới 3 giờ	Từ 3 giờ đến dưới 5 giờ	Từ 5 giờ đến dưới 7 giờ	Từ 7 giờ đến dưới 10 giờ	Từ 10 giờ trở lên	
Ngày nào cũng học	74	62	66	9	3	214
Những ngày không phải lên lớp	79	40	30	6	2	157
Lúc nào thích thì học	89	15	9	2	4	119
Gần thi mới học	17	5	3	0	0	25
Tổng cộng	259	122	108	17	9	515

Thứ nhất, tuy có tự học nhưng không phải SV nào cũng duy trì được số giờ tự học/ngày, cụ thể là:

- Có 214 SV *ngày nào cũng học* trong đó 74 SV dành dưới 3 giờ/ngày, 62 SV dành từ 3 đến dưới 5 giờ/ngày, 66 SV dành từ 5 đến dưới 7 giờ/ngày, 9 SV dành từ 7 đến dưới 10 giờ/ngày, và 3 SV dành từ 10 giờ/ngày trở lên cho việc tự học;
- Có 157 SV *học vào những ngày không phải lên lớp* trong đó 79 SV dành dưới 3 giờ/ngày, 40 SV dành từ 3 đến dưới 5 giờ/ngày, 30 SV dành từ 5 đến dưới 7 giờ/ngày, 6 SV dành từ 7 đến dưới 10 giờ/ngày, và 2 SV dành từ 10 giờ/ngày trở lên cho việc tự học;
- Có 119 SV *lúc nào thích thì học* trong đó 89 SV dành dưới 3 giờ/ngày cho việc tự học;
- Có 25 SV *đến gần thi mới học* trong đó 17 SV dành dưới 3 giờ/ngày cho việc tự học.

Thứ hai, có gần 1/3 SV dành thời gian tự học vào những ngày không phải lên lớp; do vậy, việc SV không duy trì được thời lượng tự học dưới 3 giờ/ngày ít nhiều có liên quan đến thời gian lên lớp còn nhiều và/hoặc chưa thật hợp lý của SV. Đây là chỗ nhà trường, mà cụ thể là Phòng Đào tạo, và các khoa ngoại ngữ cần chú ý tác động đúng hướng để cải thiện nhanh nhất, nếu không nói là ngay lập tức, thực trạng này.

Thứ ba, số giờ tự học/ngày (*Bảng 1*) và việc duy trì thời gian tự học (*Bảng 2*) cho thấy

SV chưa quan tâm đúng mức đến việc tự học, đặc biệt là những trường hợp *lúc nào thích thì học* và *gần thi mới học*.

1.4 Hình thức tự học ngoài giờ lên lớp của sinh viên

Hoạt động tự học của SV đang theo học tại trường gắn liền với sự hướng dẫn của thầy và diễn ra ở hai phạm vi: *tự học trên lớp* và *tự học ngoài giờ lên lớp*. **Đề tài nghiên cứu này chỉ khảo sát quá trình tự học của SV ngoài giờ lên lớp**. Kết quả khảo sát cho thấy chủ yếu có 4 hình thức tự học ngoài giờ lên lớp được SV lựa chọn: học một mình ở nhà (540 lượt SV), học theo nhóm (323 lượt SV), học một mình ở thư viện (216 lượt SV), tham gia các câu lạc bộ học tập (84 lượt SV).

Cần lưu ý là *học một mình ở nhà* và *học theo nhóm* được coi là hai ưu tiên hàng đầu của SV; thực trạng *học một mình ở thư viện* không phải là lựa chọn mà SV ưu chuộng và việc số lượng SV tự học bằng cách *tham gia các câu lạc bộ học tập* thấp cho thấy việc tổ chức các dịch vụ và/hoặc các hoạt động hỗ trợ học tập tại trường cho SV vẫn cần được xem xét và có cải tiến nhất định.

1.5 Nội dung tự học của SV

Đa số SV dùng thời gian tự học để *thực hiện yêu cầu của GV* (95.2%), *ôn lại bài cũ* (93.4%) hoặc *chuẩn bị bài mới* (84.6%). Tự tìm hiểu thêm kiến thức bên ngoài như *đọc sách* hoặc *học những gì có hoặc không liên quan đến môn học* có số lượt lựa chọn ít hơn.

Bảng 4. Nội dung tự học của sinh viên tham gia cuộc khảo sát

NỘI DUNG TỰ HỌC	SỐ LƯỢT SV	TỶ LỆ PHẦN TRĂM
Ôn lại bài cũ	496	93.4
Chuẩn bị bài mới	445	84.6
Thực hiện yêu cầu của GV	495	95.2
Đọc sách/tài liệu có liên quan đến môn học/buổi học sắp tới	370	73.1
Ghi chú những thắc mắc (bài cũ/bài mới) đề hỏi GV	254	51.8
Học những gì có hoặc không liên quan đến môn học	407	81.7

Phát biểu sau đây cung cấp một nhận định phù hợp với các số liệu định lượng nêu trên:

- Tôi thường hay đọc sách, tài liệu do giáo viên hướng dẫn. Đối với *kỹ năng nói* thì tôi hay đứng trước gương để tập nói, tôi tự tạo chủ đề cho mình để tự học. Đối với *kỹ năng nghe* thì tôi thường xuyên nghe đĩa. Ngoài ra tôi cũng thường xuyên lên mạng Google để tìm kiếm thêm tài liệu. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

1.6 Khả năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong khi tiến hành hoạt động tự học của sinh viên

Để thành công trong việc học ở bậc đại học, SV phải có khả năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tự học. Kết quả khảo sát cho thấy SV thường áp dụng 1 trong 3 cách giải quyết sau đây khi gặp khó khăn trong hoạt động tự học: hỏi các bạn cùng lớp và/hoặc trong nhóm học tập (300 lượt SV), tự tìm câu

trả lời (191 lượt SV), và ghi chú lại đề hỏi GV (178 lượt SV).

Các số liệu trên được tái khẳng định qua kết quả phỏng vấn SV:

- Tự học ở nhà trước sau đó mới chọn nhóm nhỏ để tập hợp tài liệu thì sẽ nghiên cứu được sâu hơn và dễ dàng tìm ra lời giải vì tự học một mình cũng có hiệu quả nhưng sẽ không cao như tham gia học nhóm. (SV Khoa Ngữ văn Anh)
- Quan trọng là ý thức tự học của mỗi người, phân bố thời gian hợp lý, tự tìm tòi, chủ động hỏi GV khi gặp những vấn đề khó khăn mà bản thân không thể giải quyết được. (SV Khoa Ngữ văn Trung Quốc)
- Mỗi người có một cách tự học riêng... Để củng cố kiến thức, tôi tham gia học thêm tại Trung tâm IDECAF, Viện trao đổi văn hóa với Pháp. (SV Khoa Ngữ văn Pháp)
- Nhóm học tập của tôi có 3 người. Khi tiến hành tự học các thành viên sẽ đưa ra ý kiến và có sự tranh luận. Nếu không có sự

đồng thuận trong nhóm thì sẽ hỏi lại GV.
(SV Khoa Ngữ văn Pháp)

- Khi gặp áp lực trong tự học hãy dành thời gian giải trí để tinh thần được thoải mái rồi hãy tiếp tục học. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

Trong số các nội dung tự học (*Bảng 4*), “ghi chú những thắc mắc (bài cũ/bài mới) để hỏi GV” có số lượt lựa chọn thấp nhất (254 lượt SV, chiếm 51.8%); câu hỏi mở tương ứng về cách SV giải quyết khó khăn khi tiến hành hoạt động tự học cho thấy “ghi chú lại đề hỏi GV” cũng có số lượt ý kiến thấp nhất (178 lượt SV). Điều này vừa không phản ánh đúng tinh thần của học thuyết *lấy người học làm trung tâm* (*a learner-centered approach to teaching*) [3] mà phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ muốn hướng tới vừa khó đáp ứng được mục tiêu đào tạo của các chương trình [4].

Điều này cũng đặt ra 2 câu hỏi mà nhóm nghiên cứu đề tài khó có thể tự tìm câu trả lời thỏa đáng:

1. Liệu việc tổ chức triển khai dạy và học trên lớp đã đủ thuận tiện nhằm khuyến khích SV chọn lựa hình thức “hỏi thầy” để giải toả những thắc mắc nảy sinh trong quá trình tự học?
2. Liệu vai trò hết sức quan trọng của GV trong việc giúp SV giải toả những thắc mắc nảy sinh trong quá trình tự học đã được xem xét và thực thi?

1.7 Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học

Kết quả khảo sát cho thấy có nhiều yếu tố, cả khách quan lẫn chủ quan, ảnh hưởng đến

việc triển khai thành công hoạt động tự học của SV.

1.7.1 Yếu tố chủ quan

Có 406 lượt SV (73.8%) thừa nhận họ gặp rất nhiều khó khăn khi tiến hành hoạt động tự học. Tác động tiêu cực đến quá trình tự học là 5 yếu tố chủ quan sau đây:

1. *SV không đủ thời gian để tự học* được lựa chọn nhiều nhất (227 lượt SV); điều này cho thấy yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến việc tự học của SV chính là thời gian:
Tôi là khóa đầu tiên được phân chuyên ngành nên chương trình đào tạo chưa hoàn chỉnh lắm. Số lượng bài tập GV giao cho quá nhiều nên không đủ thời gian để tìm hiểu thêm. (SV Khoa Ngữ văn Anh, ngành Biên-Phiên dịch)
2. *SV chưa tìm được phương pháp học tập thích hợp* xếp thứ hai (154 lượt SV), hậu quả là việc tự học không đạt được kết quả như mong muốn.
3. *SV thiếu kiến thức căn bản về môn học* (112 lượt SV) xếp thứ ba; điều này gây rất nhiều khó khăn cho việc tự học của SV, nhất là khi có thắc mắc thì không biết phải lý giải như thế nào và liệu cách lý giải mà SV tự chọn có chính xác không.
4. *SV không đủ tự tin để tự học* (46 lượt SV) là hệ quả gần như tất yếu, được SV xác nhận:

Khi tiến hành tự học tôi gặp rất nhiều khó khăn, có rất nhiều vấn đề không

hiều, rất khó để giải quyết vấn đề một cách rõ ràng. Tôi đã đi hỏi các bạn du học sinh Trung Quốc, các bạn đó trả lời nhanh và cũng giống như trong từ điển nên tôi cũng khó hiểu lắm. (SV Khoa Ngữ văn Trung Quốc)

5. *SV thiếu động lực và quyết tâm học tập* cũng được ghi nhận qua câu hỏi mở là có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng triển khai hoạt động tự học thành công của SV:

Khi tự học tôi bị chi phối bởi bạn bè, các chương trình tivi,...; có những vấn đề không hiểu thì cũng không biết hỏi ai. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

1.7.2 Yếu tố khách quan

Tác động tiêu cực đến quá trình tự học là 5 yếu tố khách quan sau đây:

1. *Một số môn học chưa có giáo trình rõ ràng, chính thức và SV chưa thể tiếp cận đầy đủ các nguồn tài liệu tham khảo* (159 lượt SV):

- Tôi thiếu thông tin để có thể tìm tài liệu một cách dễ dàng. Một số GV đưa bài tập khó, tôi tìm qua mạng, qua thư viện vẫn không thấy nguồn tài liệu nào để tham khảo; vì vậy tôi phải mất rất nhiều thời gian tổng hợp các tài liệu có liên quan đến nội dung môn học. Hơn nữa Khoa chưa có giáo trình rõ ràng, chính thức. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

2. *GV chưa chia sẻ kinh nghiệm và hướng dẫn cách tự học* (98 lượt SV):

- GV nên giới thiệu nhiều tài liệu hay; chia sẻ cách tự học; kiểm tra khối lượng công việc SV thực hiện ở nhà; *cho, chữa bài tập và chỉ ra lỗi* trong các bài tập làm ở nhà. Nhiều khi tôi làm bài tập về nhà nhưng không biết làm đúng hay sai. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

3. *Thời gian học trên lớp còn nhiều* (38 lượt SV):

- Tôi được biết là học theo tín chỉ được chọn GV và giờ lên lớp nhưng thực tế tôi vẫn học theo kiểu sắp đặt sẵn, thời gian tự học rất giới hạn vì đa số là tôi phải lên lớp 2 buổi/ngày. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

- Nhóm học tập của tôi có 3 người lại không ở gần nhau nên cũng khó khăn cho việc lên kế hoạch học tập, đa số SV chưa được học tiếng Pháp ở phổ thông nên phải học tăng cường, thời gian học đa số là 2 buổi/ngày nên chúng tôi không có đủ thời gian để tự học. (SV Khoa Ngữ văn Pháp)

4. *Thiếu không gian học tập yên tĩnh* (65 lượt SV):

- Nơi tự học gần chỗ quảng cáo, thường xuyên có các công ty vào để giới thiệu sản phẩm; hiện tại đang có Công ty Vinaphone quảng cáo, mở nhạc, mở loa, gây ồn ào, ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên. (SV Khoa Ngữ văn Anh)

- Phòng tự học ít, vườn học học tập năng; nhà trường nên mở cửa thêm một số phòng học để SV có không gian tự học. (SV Khoa Ngữ văn Pháp)
5. *Thiết bị chuyên dụng cho các lớp học ngoại ngữ chưa được trang bị đầy đủ* (3 lượt SV).
- Có thể thấy rằng cùng tác động tiêu cực đến quá trình tự học của SV là yếu tố chủ quan 1. *SV không đủ thời gian để tự học* và yếu tố khách quan 3. *Thời gian học trên lớp còn nhiều*. Liệu điều này có mâu thuẫn với việc các chương trình đào tạo của khối ngành ngoại ngữ đã cắt giảm gần 40 tín chỉ khi trường chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ?

2. GIẢI PHÁP CẢI THIỆN VIỆC TỰ HỌC CỦA SV KHỐI NGÀNH NGOẠI NGỮ

Trên cơ sở của thực trạng đã được phân tích và trình bày ở trên, nhóm thực hiện đề tài mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện việc tự học của SV khối ngành ngoại ngữ tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

2.1 Đối với sinh viên

Để phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc tự học nhằm nâng cao hiệu quả học tập và cuối cùng là đạt kết quả học tập tốt, SV cần xác định mục tiêu quan trọng là rèn luyện phương pháp tự học và kiên trì thực hiện một số việc sau đây:

1. Do “thiếu kiến thức căn bản về môn học” và “chưa thể tiếp cận đầy đủ các

nguồn tài liệu tham khảo” nên càng cần phải *đi học đủ và đúng giờ; tập trung nghe giảng để nắm được bài ngay trên lớp*, nhất là phần kiến thức trọng tâm; và *ghi chép thật cẩn thận* những điều quan trọng mà nhiều khả năng là khó có thể tìm thấy trong tài liệu, giáo trình.

2. Do “GV chưa chia sẻ kinh nghiệm và hướng dẫn cách tự học” trong khi bản thân “chưa tìm được phương pháp học tập thích hợp” nên cần kiên trì thực hiện một số việc sau đây: *xây dựng kỹ năng đọc; lựa chọn sách/tài liệu tham khảo*: chọn một khối lượng vừa đủ, cố gắng nắm được hệ thống/cách bố trí của tư liệu, tóm lược những ý quan trọng, ghi chú những điều chưa hiểu để trao đổi lại với thầy cô và/hoặc thảo luận với bạn học cùng nhóm; *chọn khoảng 3-5 người để cùng học*, cử Trưởng nhóm để duy trì kế hoạch học tập và dẫn dắt các thành viên của nhóm đi đúng trọng tâm của vấn đề cần nghiên cứu; vị trí này hoàn toàn có thể thay đổi tùy theo khả năng của mỗi thành viên đối với từng môn học; và *thử tìm hiểu về phương pháp “lấy người học làm trung tâm”*.

3. Do “thời gian học trên lớp còn nhiều” và “không đủ thời gian để tự học” nên phải *xây dựng kế hoạch học tập* trong đó *lập danh sách những việc cần làm theo thứ tự ưu tiên* để đảm bảo được tiến độ của việc thực hiện kế hoạch này; *chọn một thời gian tự học tương đối cố định* và cố

gắng không bỏ lỡ các giờ tự học theo kế hoạch đã định.

4. Do “thiếu không gian học tập yên tĩnh” nên cần cố gắng *tìm một chỗ đủ yên tĩnh* (ở nhà hoặc trong trường) *để tự học, tránh tiếng ồn; tránh tự gây thêm áp lực* trong quá trình tự học, *kết hợp giữa học tập và giải trí; hết sức trân trọng và giữ gìn nguyên vẹn các tài sản, tiện ích mà nhà trường đã nỗ lực tạo dựng cho SV.*
5. Do “không đủ tự tin để tự học” và “thiếu động lực và quyết tâm học tập” nên phải *xây dựng ý thức và quyết tâm tự bồi đắp kiến thức liên ngành đủ rộng và kiến thức chuyên ngành đủ sâu; nỗ lực vượt qua cả tình trạng “đói thông tin”* (do không thể trực tiếp và chủ động tiếp cận các nguồn thông tin, tư liệu cập nhật nhất) *lẫn tình trạng “nhiều thông tin”* (do chưa biết cách chọn lọc và khai thác đúng và đủ các nguồn thông tin, tư liệu có thể tiếp cận được).
6. Do “thiết bị chuyên dụng cho các lớp học ngoại ngữ” tại trường “chưa được trang bị đầy đủ” nên cần *nỗ lực tiếp cận các nguồn khác ngoài trường và học theo nhóm* để có thể *chia sẻ, hỗ trợ* lẫn nhau.

Cần khẳng định rằng *SV không phải chỉ là đối tượng và sản phẩm đầu ra của quá trình đào tạo mà còn là chủ thể tích cực tạo nên chất lượng của chính quá trình này. Quá trình học tập của SV về bản chất là quá trình nhận thức có tính chất nghiên cứu.* Trong quá trình học bao giờ cũng có tự học; nghĩa là SV

phải tự lao động trí óc để chiếm lĩnh hệ thống tri thức. Muốn vậy, SV không nên chỉ hài lòng với năng lực nhận thức thông thường; trái lại, trên cơ sở tư duy độc lập và sáng tạo, SV phát triển ở mức độ cao kỹ năng khai thác và xử lý thông tin trong mối quan hệ tương tác với vai trò tổ chức, điều khiển của GV và các hỗ trợ tích cực khác dành cho hoạt động dạy và học của các khoa ngoại ngữ và nhà trường.

2.2 Đối với giảng viên

Do vai trò **tổ chức, điều khiển của GV có tác động quyết định đối với việc triển khai thành công các hoạt động tự học của SV** và được sự đồng tình của các bạn SV khối ngành ngoại ngữ tham gia cuộc khảo sát, nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu xin nêu một số kiến nghị-yêu cầu sau đây đối với quý thầy/cô:

1. Do một số môn học “chưa có giáo trình rõ ràng, chính thức” và để SV đỡ “mất rất nhiều thời gian tổng hợp các tài liệu có liên quan đến nội dung môn học”, thầy/cô cần *xác định rõ danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo và chỉ cách tìm mua và đọc các giáo trình và tài liệu này* cho SV.
2. Do “GV chưa chia sẻ kinh nghiệm và hướng dẫn cách tự học” trong khi SV “chưa tìm được phương pháp học tập thích hợp”, thầy/cô cần *hướng dẫn SV cách tự học; kiểm tra khối lượng công việc SV thực hiện ở nhà; cho, chữa bài tập và chỉ ra lỗi* trong các bài tập làm ở nhà; cho SV nhận lại bài kiểm tra giữa và cuối học phần để có thể tự đánh giá ưu/nhược điểm trong bài làm, thấy rõ

những sai sót ngay trong bài ấy, hoặc thậm chí cả trong toàn bộ quá trình theo học môn học đó, rút kinh nghiệm cho lần thi/kiểm tra của những môn học khác về sau.

3. Cũng do SV “chưa tìm được phương pháp học tập thích hợp” và “không đủ tự tin để tự học”, thầy/cô cần *tạo điều kiện cho SV có cơ hội thể hiện khả năng làm việc độc lập, sáng tạo* bằng cách *đặt vấn đề và đưa ra câu hỏi gợi mở* nhằm kích thích sự năng động cũng như khả năng tự tìm tòi và khám phá trong bản thân mỗi SV và *chỉ định SV tự nghiên cứu một số vấn đề trong nội dung môn học* và dành một phần thời gian trong giờ học chính khóa *để SV trình bày trước lớp, có sự tham gia chất vấn phân biện của SV và GV*; nghĩa là *tạo những khoảng trống cần thiết để SV tự điền vào đó*.
4. Do SV “thiếu kiến thức căn bản về môn học”, thầy/cô cần tổ chức giảng dạy hướng đến việc *giúp SV xây dựng kiến thức liên ngành đủ rộng và kiến thức chuyên ngành đủ sâu, giúp SV vượt qua tình trạng “đói thông tin” và “nhiều thông tin”*.
5. Do SV “thiếu động lực và quyết tâm học tập”, thầy/cô cần khuyến khích SV tự học bằng cách đánh giá SV công bằng và có điểm tích lũy, điểm thưởng đối với SV đạt kết quả tốt trong nỗ lực tự học; cho SV tự do chọn một chủ đề yêu thích để đào sâu nghiên cứu theo nguyên tắc

lấy người học làm trung tâm, không gò bó theo một khuôn khổ quá cứng nhắc.

6. Do SV “không đủ thời gian để tự học” vì “thời gian học trên lớp còn nhiều” thầy/cô cần *kiên quyết không dạy dồn nhiều giờ/tuần mà rải đều số tiết học/tuần* nhằm đảm bảo cho SV có đủ thời gian *đọc/chuẩn bị bài trước khi lên lớp (preparing before class), ghi chú thành công tại lớp (taking good notes in class) và củng cố bài sau khi lên lớp (consolidating after class)*.
7. Do “thiết bị chuyên dụng cho các lớp học ngoại ngữ” tại trường “chưa được trang bị đầy đủ”, thầy/cô cần *chỉ dẫn SV tiếp cận các nguồn khác ngoài trường* và, nếu được, *hỗ trợ những gì có thể*.

Thầy/cô nào cũng biết rằng cần *neu rõ* ngay khi bắt đầu môn học do thầy/cô đảm nhiệm *chương trình học* cũng như *các yêu cầu cụ thể của môn học* (giáo trình chính thức, tài liệu tham khảo, các tiêu chuẩn đánh giá, thời hạn dự kiến phải nộp bài tập lấy điểm tích lũy và/hoặc thi giữa, cuối học phần,...). ***Vấn đề là nghiêm túc thực hiện nó. Điều này có ý nghĩa sống còn đối với SV, giúp SV chuẩn bị tốt cho môn học và lập được kế hoạch học tập, trong đó có kế hoạch tự học, cụ thể và khả thi.***

Dù đã ít nhiều trưởng thành và được trang bị tri thức của 12 năm học ở bậc phổ thông nhưng trước yêu cầu ngày càng cao của xã hội nói chung và của thị trường lao động nói riêng thì SV vẫn cần có tinh thương và sự dùi dút, nâng đỡ, động viên của thầy/cô để học thành công hơn, vì vậy mà được chuẩn bị tốt hơn cho

buổi đầu đời. Khi thầy/cô quan tâm và gần gũi SV, nghĩa là mối quan hệ thầy-trò trở nên mật thiết hơn, SV dễ dàng tin cậy, bộc lộ những khúc mắc, tâm tư về vấn đề học tập để GV có thể giúp đỡ hay kịp thời điều chỉnh cho phù hợp. Mối quan hệ mật thiết này cũng tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho cả người dạy cũng như người học, chắc chắn sẽ tác động tích cực đến việc triển khai các hoạt động tự học và kết quả tự học của SV.

2.3 Đối với các khoa ngoại ngữ và nhà trường

Như đã trình bày ở trên, *các hỗ trợ tích cực dành cho hoạt động dạy và học của khoa và nhà trường có tác động quyết định đối với việc triển khai thành công các hoạt động tự học của SV*. Được sự đồng tình của các bạn SV khối ngành ngoại ngữ tham gia cuộc khảo sát, nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu xin nêu một số kiến nghị-yêu cầu sau đây đối với các khoa ngoại ngữ và nhà trường, mà chủ yếu là Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị-Thiết bị, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Thư viện và Đoàn Thanh niên-Hội Sinh viên:

1. Do SV “không đủ thời gian để tự học” vì “thời gian học trên lớp còn nhiều” và để SV có thể lập kế hoạch tự học, chủ động sắp xếp thời gian tự học, thực hiện đầy đủ yêu cầu về học thuật của GV và đào sâu nghiên cứu một số vấn đề yêu thích, Phòng Đào tạo và các khoa ngoại ngữ cần *xếp lịch học hợp lý hơn, trải đều các môn học trong suốt học kỳ, tránh việc thường xuyên thay đổi thời khoá biểu và tình trạng học dồn nhiều*

giờ/tuần vào đầu học kỳ; thông báo lịch thi của các học phần sớm hơn để SV có đủ thời gian tự học, chuẩn bị tốt hơn cho kỳ thi; tổ chức thi ngay sau khi kết thúc học phần, nếu có thể, tránh tình trạng thi 3, 4 môn liên tiếp, gây căng thẳng không cần thiết cho SV.

2. Do một số môn học “chưa có giáo trình rõ ràng, chính thức” và để SV đỡ “mất rất nhiều thời gian tổng hợp các tài liệu có liên quan đến nội dung môn học”, các khoa ngoại ngữ cần *có giáo trình chính thức cho tất cả các môn học*, tạo thuận lợi cho GV và SV trong việc tiếp cận các nội dung bắt buộc phải dạy và học, trên cơ sở đó mà tự nghiên cứu chuyên sâu hơn.
3. Do SV “chưa thể tiếp cận đầy đủ các nguồn tài liệu tham khảo”, các khoa ngoại ngữ và Thư viện cần *lên kế hoạch cung cấp đủ và/hoặc cho phép người học tiếp cận tài liệu tham khảo được cập nhật một cách dễ dàng và thuận tiện hơn.*
4. Do “thiếu không gian học tập yên tĩnh”, các khoa ngoại ngữ, Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị-Thiết bị, Phòng Kế hoạch-Tài chính và Đoàn Thanh niên-Hội Sinh viên cần tham mưu cho nhà trường về *việc xây thêm một số phòng tự học*, đặc biệt là ở cơ sở Linh Trung-Thủ Đức, với các tiện nghi và trang thiết bị cần thiết để:
 - Làm chỗ ngồi tự học cho SV, đặc biệt là những bạn chẳng may không có

một nơi học tập đạt yêu cầu ở nhà, phòng trọ hay ký túc xá;

- Làm chỗ trú mưa, tránh nắng và nghỉ trưa để chờ những giờ học tiếp theo;
- Làm chỗ học/thảo luận nhóm cho SV, tránh tình trạng SV đi hết dãy lầu này sang lầu khác chỉ để thấy hoặc những phòng trống đã khoá cửa hoặc những phòng đã có người học.

5. Cũng do “thiếu không gian học tập yên tĩnh” cho SV ngay trong khuôn viên trường, *Thư viện cần xem xét khả năng mở rộng và/hoặc sắp xếp lại thời gian làm việc hiện nay cho hợp lý hơn; tích cực và hiệu quả hơn trong việc hỗ trợ SV tìm kiếm thông tin tư liệu và hướng dẫn SV tuân thủ các quy trình nghiệp vụ của Thư viện.*

6. Do “thiết bị chuyên dụng cho các lớp học ngoại ngữ” tại trường “chưa được trang bị đầy đủ”, các khoa ngoại ngữ, Thư viện, Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị-Thiết bị và Phòng Kế hoạch-Tài chính cần tham mưu cho nhà trường về việc từng bước cải tiến các trang thiết bị chuyên dùng cho các môn học ngoại ngữ theo một lộ trình được cân nhắc cẩn thận, phù hợp với kế hoạch/chiến lược phát triển chung của toàn trường.

7. Do còn thiếu cả “không gian học tập yên tĩnh” lẫn “thiết bị chuyên dụng cho các lớp học ngoại ngữ”, các khoa ngoại ngữ, Thư viện, Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị-Thiết bị, Phòng Kế hoạch-Tài chính,

và Đoàn Thanh niên-Hội Sinh viên cần tham mưu cho nhà trường về việc từng bước xây thêm hoặc cải tạo *phòng nghe nhạc, phòng nghe nhìn, phòng lab, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng tập thể dục thể thao...* để SV có cơ hội tiếp cận các phương tiện nghe-nhìn nhiều hơn, mở rộng tầm hiểu biết và cải thiện đời sống tinh thần; và tạo điều kiện cho SV được hưởng dụng tốt nhất các tiện ích này, giúp giảm áp lực của việc học, trong đó có việc tự học.

8. Do nhiều nguyên nhân nêu trên, khách quan cũng như chủ quan, khó có thể khẳng định rằng hiệu quả tự học của SV khối ngành ngoại ngữ là khá cao. Đã đến lúc nhà trường *xem xét kế hoạch xây dựng hệ thống trợ giảng* hỗ trợ việc tổ chức dạy và học của tất cả các môn học trong chương trình đào tạo của khối ngành ngoại ngữ. Hệ thống này:

- Là chỗ dựa tinh thần cho SV, đặc biệt là những người đang bị khủng hoảng về việc học, gặp nhiều vướng mắc đến nỗi dù đã cố gắng hết sức mà vẫn không thể tự vượt qua được;
- Hỗ trợ SV trong việc giải quyết những khó khăn trong việc học; hướng dẫn SV chi tiết hơn, cụ thể hơn trong việc học, hoàn thành các bài tập bắt buộc và thực hiện tất cả các yêu cầu của môn học;
- Giúp SV định hướng việc học tập tất các học phần trong chương trình đào

tạo, thậm chí là định hướng cho cả tương lai gần khi tốt nghiệp đại học;

- Giúp những SV người nước ngoài mới đến và gặp khó khăn trong việc làm quen với cách dạy và học ngoại ngữ tại trường.

Ngoài những kiến nghị-yêu cầu đã nêu, ở chừng mực nào đó các động thái sau đây từ bất kỳ đơn vị nào trong trường cũng góp phần đáng kể vào việc cải thiện sinh hoạt-đời sống và việc học tập, trong đó có việc tự học, của SV khối ngành ngoại ngữ:

1. Mở thêm và/hoặc củng cố *câu lạc bộ học tập* có liên quan tới ngành học của SV khối ngành ngoại ngữ có sự tham gia điều đặn của các GV và thầy/cô trong lãnh đạo khoa; tổ chức *các buổi hội thảo chuyên đề* về các kỹ năng và phương pháp tự học cho SV; củng cố *hệ thống trợ lý giáo vụ của khoa* nhằm tổ chức các dịch vụ/hoạt động hỗ trợ dạy và học ngay tại khoa, nếu có thể.
2. Tổ chức, với sự tham dự của những giáo sư, những người kinh nghiệm, *những buổi giao lưu có chất lượng* về học tập, sinh hoạt, vui chơi-giải trí, văn-thể-mỹ,... giữa các khoa trong cùng trường, giữa nhà trường với các đại học khác trong và ngoài nước; đây là cơ hội để SV thuộc các chuyên ngành khác nhau trao đổi cách học tập, trong đó có việc tự học, và cùng nhau vui chơi giải trí.
3. Tạo cơ hội để *tiếng nói của SV* được ghi nhận đủ và đúng trong “ngôi nhà

chung”, nơi đào tạo về kiến thức, rèn luyện về đạo đức và hỗ trợ về mặt tinh thần cho SV: cho phép SV được thể hiện mình, được phát biểu ý kiến, được nói lên tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, bản khoăn về việc học tập, sinh hoạt tại trường qua những bài báo, những cuộc giao lưu, những lần báo cáo khoa học, những buổi nói chuyện chuyên đề, những lần tiếp xúc với trực tiếp với các thầy/cô là cán bộ nhân viên của các khoa/bộ môn, phòng/ban, đơn vị trực thuộc trường.

4. Triển khai *các hoạt động của Đoàn Thanh niên-Hội Sinh viên* theo hướng đa dạng hơn, hết sức thiết thực hỗ trợ cuộc sống và việc học của SV, xây dựng lòng tự hào cũng như ý thức trách nhiệm cao trong học tập, trong nỗ lực tự hoàn thiện của SV khi tham gia tổ chức vững mạnh và cần thiết như Đoàn-Hội.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy đề tài nghiên cứu đã đạt được 2 mục đích đề ra:

1. Thông qua việc khảo sát các ý kiến phản hồi, nhóm thực hiện đề tài đã nắm bắt được thực trạng tự học của SV khối ngành ngoại ngữ Trường ĐH KH&CN, ĐHQG-HCM;
2. Trên cơ sở đó chúng tôi giúp SV xác định một số việc cần kiên trì thực hiện và nêu một số kiến nghị-yêu cầu để xin sự hỗ trợ từ phía GV, các khoa ngoại ngữ và nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực tự học của SV, góp

phần cải thiện *chuẩn đầu ra* của quá trình đào tạo.

Thay cho lời kết là câu đáp dành cho 5 câu hỏi nghiên cứu của đề tài:

1. Một là SV có nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động tự học.
2. Hai là 2 hình thức tự học ngoài giờ lên lớp được SV ưu tiên lựa chọn là học một mình ở nhà và học theo nhóm; việc ít SV tự học bằng cách học một mình ở thư viện và tham gia các câu lạc bộ học tập cho thấy việc tổ chức các dịch vụ và/hoặc các hoạt động hỗ trợ học tập tại trường cho SV vẫn cần được xem xét và có cải tiến nhất định.
3. SV không dành nhiều thời gian cho việc tự học: gần một nửa (260 sinh viên, 47.3%) tự học dưới 3 giờ/ngày. Có đến 60% SV không duy trì được thời gian tự học/ngày đã nêu. Có gần 1/3 SV dành thời gian tự học vào những ngày không phải lên lớp; do vậy, việc SV không duy trì được hoạt động tự học dưới 3 giờ/ngày ít nhiều có liên quan đến thời gian lên lớp còn nhiều và/hoặc chưa thật hợp lý của SV. Đây là chỗ nhà trường, mà cụ thể là Phòng Đào tạo và các khoa ngoại ngữ, cần chú ý tác động đúng hướng để cải thiện nhanh nhất, nếu không nói là cải thiện ngay lập tức, thực trạng này.
4. Ba là có một số yếu tố, chủ quan và khách quan, tác động tiêu cực đến hoạt động tự học của sinh viên. 5 yếu tố chủ quan là SV không đủ thời gian để tự học, SV chưa tìm được phương pháp học tập thích hợp, SV

thiếu kiến thức căn bản về môn học, SV không đủ tự tin để tự học, và SV thiếu động lực và quyết tâm học tập. 5 yếu tố khách quan là SV chưa tiếp cận đầy đủ các nguồn tài liệu tham khảo, GV chưa chia sẻ kinh nghiệm và hướng dẫn cách tự học, thời gian học trên lớp còn nhiều, thiếu không gian học tập yên tĩnh, và thiết bị chuyên dụng cho các lớp học ngoại ngữ chưa được trang bị đầy đủ.

5. Bốn là có một số việc SV cần kiên trì thực hiện nhằm tiến hành hoạt động tự học có hiệu quả; các đề xuất cụ thể đã được trình bày chi tiết ở trên.
6. Năm là cần có những hỗ trợ nhất định để SV triển khai hoạt động tự học thành công; những hỗ trợ này đến từ GV, các khoa ngoại ngữ và nhà trường, mà cụ thể là các phòng/ban và tổ chức chính trị-xã hội trong trường.

Đề tài mở ra một hướng nghiên cứu chuyên sâu nhằm khảo sát các đối tượng còn lại để có được một cái nhìn tổng thể và toàn diện hơn về việc tự học của SV Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

Khi khoa học và công nghệ phát triển mạnh và trước tác động lớn của sự bùng nổ thông tin thì những kiến thức tiếp thu trong quá trình học đại học chỉ là kiến thức nền để, trên cơ sở đó, người học vươn ra tiếp thu kiến thức ngoài xã hội. Con đường tự học lúc này trở thành phương cách chủ yếu để nâng cao trình độ trong các bước tiếp theo của cuộc đời. Điều đáng quan tâm ở đây là ngay từ khi còn ngồi ở

giảng đường đại học, SV cần xây dựng thành công kế hoạch học tập, trong đó có kế hoạch tự học, kết hợp với phương pháp học tập khoa học và sáng tạo để tùy theo khả năng mà hoàn thành tốt nhất chương trình đào tạo đã chọn. Kế

hoạch học tập bao gồm kế hoạch tự học này là tiền đề cho những kế hoạch lớn hơn trong một tương lai rất gần khi người học trở thành thành viên chính thức của lực lượng lao động quốc gia.

SELF-LEARNING OF FOREIGN LANGUAGE STUDENTS IN THE CREDIT SYSTEM HELD AT THE UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES: PROBLEMS AND SOLUTIONS

To Minh Thanh

Unisersity of Social Science of Humanities, VNU-HCM

***ABSTRACT:** As the result of the research work on self-learning of foreign language students in the credit system held at the University of Social Sciences and Humanities, this article has firstly searched for problems facing the students in studying by themselves, secondly determined a number of things the students are supposed to do with patience and finally raised some suggestions to the teaching staff, the departments of foreign languages and the university in order to improve the students' ability to conduct their self-learning, bettering their expected learning outcomes. The result indicates that despite their growing awareness of how significant self-learning is, the students neither have enough time nor maintain the time consciously planned for self-learning. Negatively affecting the students' self-learning are their five subjective factors: lack of adequate time for self-learning, failure in search for appropriate methods of learning, lack of basic knowledge on given subjects, lack of self-belief to conduct their learning successfully, and lack of motivation as well as determination to study by themselves; among the five objective factors hindering the effects of self-learning are the students' inability to get access to academic resources, their instructors' lack of attention to share experience in and provide guidance on self-learning, the students' long time spent on class meetings, lack of space, especially on campus, quiet enough for self-learning, and lack of equipment specialised for foreign language learning. It has been highlighted that only if (1) the students proceed their self-learning however difficult it is, (2) the teaching staff play their dual role in organising and controlling the students' self-learning, and (3) the foreign language departments as well as the university actively support teaching and learning activities can the students' self-learning turn out to be fruitful.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh và Vũ Văn Tào, *Từ điển Giáo dục học*. Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, trang 458 (2001)
- [2]. Lưu Xuân Mới, *Rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên đại học*. Tạp chí Phát triển Giáo dục, số 9, trang 17 (2003)
- [3]. Tudor I., *Learner-centredness as Language Education*. Cambridge University Press, Cambridge (1996)
- [4]. http://pdt.hcmussh.edu.vn/index.php?option=com_content&task=blogcategory&id=65&Itemid=194